

Số: /BC - UBND

Ba Dinh, ngày tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024
của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới**

Thực hiện Công văn số 4225/SNV-LĐVL&ATLĐ của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư; Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Ba Dinh được tổ chức, sắp xếp theo đơn vị hành chính mới. Hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn chủ yếu là nông lâm nghiệp. Trên địa bàn có các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động với quy mô nhỏ.

Công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe người lao động, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh và góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, UBND xã tiếp tục xác định công tác ATVSLĐ là nhiệm vụ cần được quan tâm, lồng ghép trong công tác quản lý nhà nước và tuyên truyền, vận động trên địa bàn.

(có phụ lục 02 kèm theo báo cáo số liệu cụ thể về lực lượng lao động, doanh nghiệp, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chỉ tiêu liên quan)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

1. Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATVSLĐ

UBND xã đã quan tâm quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ATVSLĐ đến cán bộ, công chức, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua hệ thống Đài truyền thanh của xã, mạng xã hội của địa phương, lồng ghép trong các hoạt động của Tháng hành động về ATVSLĐ và Tháng Công nhân. Nội dung tuyên truyền tập trung vào quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động; nhận diện, phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm, có hại; phòng, chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

UBND xã giao Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu triển khai công tác ATVSLĐ theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tuyên truyền, hướng dẫn và nắm tình hình thực hiện tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh.

3. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật

UBND xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về ATVSLĐ thuộc phạm vi quản lý; đồng thời rà soát những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết.

Qua rà soát, chưa phát sinh nội dung cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về ATVSLĐ ở cấp xã.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATVSLĐ

UBND xã thực hiện phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về ATVSLĐ; chú trọng khu vực sản xuất, kinh doanh và khu vực không có quan hệ lao động. Việc tiếp nhận, tổng hợp thông tin, báo cáo về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nguy cơ mất an toàn được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, làm công tác ATVSLĐ

UBND xã giao Phòng Văn hóa – Xã hội phân công công chức theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ liên quan đến ATVSLĐ trong phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị sử dụng lao động khi triển khai nhiệm vụ.

Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, UBND xã đề nghị thực hiện đầy đủ trách nhiệm về tổ chức cán bộ làm công tác ATVSLĐ, y tế cơ sở, huấn luyện và các yêu cầu khác theo quy định.

6. Việc huy động, bố trí nguồn lực cho công tác ATVSLĐ

UBND xã chủ động lồng ghép nội dung ATVSLĐ trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác tuyên truyền và các hoạt động có liên quan của địa phương. Nguồn lực thực hiện chủ yếu được bố trí, lồng ghép trong kinh phí hoạt động của địa phương và nguồn lực hợp pháp khác. Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đề nghị chủ động bố trí kinh phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, huấn luyện và trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

II. Đánh giá chung, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, công tác ATVSLĐ trên địa bàn xã đã được quan tâm triển khai; nhận thức của cán bộ, người lao động, người sử dụng lao động và các cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện được lồng ghép với các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương.

Tuy nhiên, công tác ATVSLĐ ở cấp xã còn gặp khó khăn do lực lượng làm công tác chuyên môn còn kiêm nhiệm; việc thu thập, cập nhật số liệu từ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và khu vực không có quan hệ lao động chưa đồng đều; nguồn lực dành cho tuyên truyền, kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân của những thành tựu: Có sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội; sự chủ động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và ý thức chấp hành pháp luật ngày càng được nâng lên.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế: Công tác ATVSLĐ có phạm vi rộng, đối tượng quản lý đa dạng; cán bộ cấp xã chủ yếu kiêm nhiệm; một số cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ còn hạn chế về nguồn lực và nhận thức; việc thống kê, cung cấp thông tin, số liệu có lúc chưa kịp thời.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, phải thường xuyên quán triệt, tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động và cộng đồng.

Hai là, tăng cường phối hợp giữa chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh trong phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Ba là, chú trọng phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở; kịp thời nắm bắt, hướng dẫn và xử lý các nguy cơ mất an toàn theo thẩm quyền.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Bối cảnh và dự báo tình hình kinh tế - xã hội tác động tới ATVSLĐ trong những năm tới

Trong thời gian tới, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng, dịch vụ và các ngành nghề trên địa bàn có thể tiếp tục phát triển, kéo theo nguy cơ phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại đối với người lao động. Khu vực lao động phi chính thức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ cũng cần được quan tâm tuyên truyền, hướng dẫn về ATVSLĐ.

II. Nhiệm vụ và giải pháp đảm bảo ATVSLĐ trong tình hình mới

1. Công tác tuyên truyền

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị số 31-CT/TW và các quy định pháp luật về ATVSLĐ; tổ chức, lồng ghép tuyên truyền trong Tháng hành động về ATVSLĐ, Tháng Công nhân và các hoạt động của địa phương.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành quy định; chủ động phòng ngừa và kịp thời xử lý nguy cơ mất an toàn theo thẩm quyền.

3. Rà soát chính sách

Kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về ATVSLĐ.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

Cập nhật danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh; nâng cao chất lượng thống kê, báo cáo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; chú trọng khu vực không có quan hệ lao động.

5. Kiện toàn tổ chức

Phân công rõ trách nhiệm cán bộ, công chức theo dõi nhiệm vụ; tăng cường tập huấn, cập nhật kiến thức và kỹ năng về ATVSLĐ.

6. Huy động nguồn lực

Chủ động bố trí, lồng ghép nguồn lực; vận động doanh nghiệp đầu tư cho các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc.

7. Biểu dương, nhân rộng

Phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân, mô hình, cách làm hiệu quả; tuyên truyền để nhân rộng kinh nghiệm tốt về ATVSLĐ.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Nội vụ tiếp tục hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu thống kê, báo cáo về ATVSLĐ cho UBND cấp xã; tổ chức tập huấn, cập nhật quy định mới cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

2. Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tăng cường cung cấp tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn nhận diện và phòng ngừa nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm khu vực nông thôn, hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ.

3. Đề nghị quan tâm hỗ trợ địa phương trong công tác kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn đối với các ngành, nghề, lĩnh vực có nguy cơ cao về ATVSLĐ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới của UBND xã Ba Đình. Kính báo cáo Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở TT & ĐU, HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Lưu: VT, VHXXHntkh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nhung

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 31-CT/TW
(Kèm theo Báo cáo số: /BC – UBND ngày /9/2026 của UBND xã Ba Đình)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2026	Ghi chú
1	Lực lượng lao động	Người	4670	4720	4770	
2	Lao động trong độ tuổi	Người	4670	4720	4770	
3	Lao động có việc làm	Người	4248	4298	4348	
4	Lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc/độc hại; trong đó: nữ, chưa thành niên, khuyết tật, cao tuổi, học nghề/tập nghề/thử việc, cho thuê lại, đi làm việc ở nước ngoài	Người	0	0	0	
5	Số vụ tai nạn lao động; số vụ có người chết; tổng số người chết	Vụ/người	0	0	0	
6	Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì TNLĐ, BNN	Người	0	0	0	
7	Số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn; số mắc mới trong kỳ	Người	0	0	0	
8	Số người được hưởng chế độ bồi thường, trợ cấp do TNLĐ, BNN; trong đó phát sinh trong kỳ	Người	0	0	0	
9	Số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp	Người	0	0	0	
10	Tổng chi phí cho TNLĐ, BNN; chi phí TNLĐ; chi phí BNN	Đồng	0	0	0	
11	Tổng thiệt hại về tài sản do TNLĐ	Đồng	0	0	0	
12	Số người thuộc diện bồi dưỡng bằng hiện vật; tổng kinh phí	Người/đồng	0	0	0	
13	Số người làm công tác quản lý, chỉ đạo ATVSLĐ cấp xã; số được tập huấn	Người	1	1	1	
14	Số người làm nghề/công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ; số được huấn luyện	Người	0	0	0	
15	Số người làm công tác ATVSLĐ trong doanh nghiệp; số được huấn luyện	Người	0	0	0	
16	Số người làm công tác y tế cơ sở được huấn luyện ATVSLĐ	Người	0	0	0	
17	Số làng nghề, hợp tác xã có nguy cơ cao; số được phổ biến, tiếp cận thông tin ATVSLĐ	Cơ sở	0	0	0	
18	Số doanh nghiệp/cơ sở phải quan trắc môi trường lao động; số được quan trắc; số mẫu; số mẫu không đạt; số cơ sở có mẫu không đạt	Cơ sở/mẫu	0	0	0	
19	Số máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt; đang sử dụng; đã kiểm định còn hiệu lực; chưa kiểm định	Thiết bị	0	0	0	